

Học phần: Phát triển phần mềm hướng dịch vụ**Nhóm: INT1448-02****Số tín chỉ:****3****Ngày thi: 3/6/2016****Giờ thi: 8h00**

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
1	B12DCCN002	Nguyễn Thị Bình	An	D12CNPM1	10,0	10,0		10,0	7,5	8,5
2	B12DCCN469	Đàm Đức	Anh	D12CNPM1	7,0	4,0		4,0	2,0	3,1
3	B12DCCN052	Nguyễn Thị Mai	Anh	D12CNPM5	10,0	7,0		8,0	6,0	6,9
4	B12DCCN006	Đào Văn	Báu	D12CNPM4	10,0	4,0		8,0	4,0	5,4
5	B112104511	Lê Thị	Châu	D12CNPM6	10,0	4,0		8,0	3,0	4,8
6	B12DCCN060	Đặng Phi	Dương	D12CNPM4	10,0	9,0		8,0	5,0	6,5
7	B12DCCN014	Nguyễn Anh	Duy	D12CNPM1	10,0	5,0		8,0	2,0	4,3
8	B12DCCN274	Nguyễn Minh	Duy	D12CNPM2	8,0	9,0		8,0	3,0	5,1
9	B12DCCN275	Nguyễn Văn	Duy	D12CNPM3	7,0	9,0		8,0	3,5	5,3
10	B12DCCN061	Hồ Thị Minh	Giang	D12CNPM5	8,0	7,0		8,0	6,0	6,7
11	B13CCCN144	Lê Xuân	Hải	C13CNPM	7,0	4,0		5,0	2,0	3,3
12	B12DCCN317	Nguyễn Đình	Hiệp	D12CNPM6	8,0	4,0		8,0	6,5	6,7
13	B12DCCN430	Trần Quang	Hiệp	D12CNPM2	8,0	6,0		9,0	4,5	5,9
14	B12DCCN020	Đỗ Huy	Hoàng	D12CNPM5	10,0	5,0		8,0	7,5	7,6
15	B12DCCN117	Phạm Quang	Hưng	D12CNPM3	8,0	9,0		8,0	2,0	4,5
16	B12DCCN438	Phan Thị	Hương	D12CNPM2	10,0	4,0		8,0	4,0	5,4
17	B12DCCN173	Đinh Văn	Huy	D12CNPM2	0,0	0,0		0,0		0,0
18	B12DCCN281	Phan Lý	Huỳnh	D12CNPM6	8,0	8,0		8,0	8,0	8,0
19	B12DCCN024	Phan Thị	Khanh	D12CNPM4	10,0	6,0		9,0	5,0	6,4
20	B12DCCN491	Nguyễn Diệu	Linh	D12CNPM6	10,0	10,0		10,0	9,0	9,4
21	B12DCCN443	Phạm Thị Hoài	Linh	D12CNPM4	8,0	4,0		8,0	3,0	4,6
22	B12DCCN444	Đỗ Thị Phương	Loan	D12CNPM1	10,0	6,0		9,0	7,0	7,6
23	B12DCCN329	Nguyễn Bảo	Lộc	D12CNPM4	10,0	9,0		8,0	4,0	5,9
24	B12DCCN028	Nguyễn Việt	Long	D12CNPM6	8,0	4,0		8,0	4,0	5,2
25	B12DCCN029	Nguyễn Tiến	Mạnh	D12CNPM3	10,0	4,0		8,0	3,0	4,8
26	B12DCCN391	Nguyễn Quang	Minh	D12CNPM5	8,0	4,0		8,0	4,0	5,2
27	B12DCCN184	Trần Anh	Ngọc	D12CNPM4	8,0	8,0		9,0	2,0	4,6
28	B12DCCN034	Lục Thị Linh	Nhâm	D12CNPM1	10,0	7,0		9,0	1,0	4,1
29	B12DCCN036	Hoàng Anh	Quang	D12CNPM2	0,0	0,0		0,0		0,0
30	B12DCCN340	Nguyễn Xuân	Quang	D12CNPM6	10,0	5,0		8,0	2,0	4,3
31	B12DCCN038	Lưu Xuân	Quyển	D12CNPM1	8,0	6,0		9,0	1,0	3,8
32	B12DCCN503	Cao Văn	Sơn	D12CNPM1	7,0	4,0		4,0	3,5	4,0
33	B12DCCN189	Trần Xuân	Sơn	D12CNPM4	10,0	8,0		9,0	5,5	6,9

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm BTTL	Điểm m THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10		20	60		
34	B12DCCN039	Trần Công Thái	D12CNPM1	10,0	6,0		9,0	2,0	4,6	
35	B12DCCN507	Chữ Kim Thắng	D12CNPM2	8,0	4,0		4,0	1,0	2,6	
36	B12DCCN455	Trần Xuân Thắng	D12CNPM1	8,0	9,0		8,0	3,0	5,1	
37	B12DCCN041	Phạm Văn Thành	D12CNPM2	10,0	4,0		8,0	3,0	4,8	
38	B12DCCN043	Nghiêm Thị Thảo	D12CNPM6	8,0	7,0		9,0	4,5	6,0	
39	B12DCCN044	Phạm Văn Thơm	D12CNPM2	10,0	6,0		9,0	6,0	7,0	
40	B12DCCN197	Dương Văn Tiến	D12CNPM3	10,0	8,0		8,0	3,0	5,2	
41	B12DCCN460	Vũ Văn Tiến	D12CNPM2	8,0	7,0		8,0	3,0	4,9	
42	B12DCCN409	Nguyễn Bá Toàn	D12CNPM2	10,0	4,0		8,0	4,0	5,4	
43	B12DCCN295	Phạm Thị Huyền Trang	D12CNPM5	8,0	9,0		8,0	4,5	6,0	
44	B12DCCN143	Lê Anh Tuấn	D12CNPM2	8,0	9,0		8,0	2,0	4,5	
45	B12DCCN202	Quách Quang Tuấn	D12CNPM5	8,0	4,0		4,0	1,0	2,6	
46	B12DCCN355	Vũ Hữu Tuấn	D12CNPM4	10,0	5,0		8,0	3,0	4,9	
47	B12DCCN048	Đỗ Thanh Tùng	D12CNPM1	10,0	6,0		9,0	6,0	7,0	
48	B12DCCN466	Tô Thanh Tùng	D12CNPM5	8,0	7,0		8,0	3,0	4,9	
49	B12DCCN467	Nguyễn Hữu Vọng	D12CNPM5	8,0	4,0		4,0	1,0	2,6	
50	B12DCCN205	Nguyễn Hoàng Vũ	D12CNPM3	8,0	8,0		9,0	5,0	6,4	
51	B12DCCN098	Phan Tuấn Vũ	D12CNPM1	10,0	5,0		8,0	5,0	6,1	
52	B12DCCN051	Vương Minh Vũ	D12CNPM6	10,0	5,0		8,0	4,5	5,8	
53	1021040032	Phạm Hồng Long	D11CNPM3	0,0	0,0		0,0		0,0	Không đủ ĐKDT

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	53	SV	- Số SV dự thi:	50	SV
- Số SV thi đạt:	44	SV	- Số SV vắng thi:	0	SV
- Số SV thi không đạt:	9	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2016

CÁN BỘ KHỚP PHÁCH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Phạm Anh Tuấn

Nguyễn Hoa Cường

Nguyễn Xuân Trường

